



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

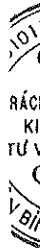


Thành viên hãng **AGN International** | A member firm of **AGN International**

Kiểm toán - Audit | Thuế - Tax | Tư vấn - Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 48



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)
Ông Ramoncito S. Fernandez	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2016



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Lầu 5, Toà nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM
T: (+84 8) 3547 2323 - F: (+84 8) 3547 2579 - W: ifcvietnam.com.vn

Số: 467/2016/BCSX-IFCHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII, được lập Ngày 22 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lương Xuân Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1741-2013-072-1
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2016

Branch of International Auditing and Financial Consulting Company Limited
5th fl., Hai Au TIC Building, 39B Truong Son, Wd. 4, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam



A member firm of AGN International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016


Mẫu số B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.979.546.758.420	1.760.505.566.664
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.119.875.143.585	739.148.574.877
1. Tiền	111		109.839.829.072	9.955.597.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.010.035.314.513	729.192.977.510
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.388.875.000	242.472.159.865
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	15.388.875.000	242.472.159.865
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		652.317.857.786	612.575.589.224
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.a	293.894.696.074	308.774.582.642
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	53.556.435.407	70.664.611.325
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.a	103.956.748.901	142.663.082.744
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	206.283.879.501	95.546.753.772
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(5.373.902.097)	(5.073.441.259)
IV. Hàng tồn kho	140	12	66.914.809.894	54.858.726.920
1. Hàng tồn kho	141		67.953.839.565	55.897.756.591
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.039.029.671)	(1.039.029.671)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		125.050.072.155	111.450.515.778
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.014.769.977	174.362.284
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.274.473.398	108.180.725.590
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13.a	1.760.828.780	3.095.427.904
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.681.706.951.642	5.617.496.809.137
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.150.203.624.085	1.218.957.815.855
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7.b	387.849.371.747	513.557.918.202
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	231.425.250.000	231.425.250.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	530.929.002.338	473.974.647.653
II. Tài sản cố định	220		1.305.322.639.416	1.340.154.312.455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	56.874.427.651	57.442.630.017
- Nguyên giá	222		93.372.805.845	91.557.637.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.498.378.194)	(34.115.007.011)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.248.448.211.765	1.282.711.682.438
- Nguyên giá	228		1.526.781.784.611	1.525.216.052.487
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(278.333.572.846)	(242.504.370.049)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.632.957.804.984	2.349.751.423.638
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.632.957.804.984	2.349.751.423.638
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		403.432.851.514	507.853.652.827
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.b	256.148.595.976	317.250.898.671
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.c	2.902.900.000	2.902.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.c	(2.902.900.000)	(2.902.900.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.a	147.284.255.538	190.602.754.156
VI. Tài sản dài hạn khác	260		189.790.031.643	200.779.604.362
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	84.263.237.722	74.667.904.377
5. Lợi thế thương mại	269	18	105.526.793.921	126.111.699.985
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.661.253.710.062	7.378.002.375.801


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu số B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.922.844.599.139	4.619.899.386.089
I. Nợ ngắn hạn	310		994.008.624.981	991.680.769.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	31.780.900.435	129.431.357.954
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.483.999.065	10.298.522.995
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.b	10.940.772.440	13.076.492.849
4. Phải trả người lao động	314		1.797.742.359	1.528.188.801
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	51.772.831.928	47.893.513.978
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.200.639	246.201.184
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	291.649.407.970	213.283.734.876
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	592.652.166.666	572.851.500.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.684.603.479	3.071.256.922
II. Nợ dài hạn	330		3.928.835.974.158	3.628.218.616.530
7. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	78.971.486.428	78.971.486.428
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	3.794.578.337.134	3.493.960.979.506
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	55.286.150.596	55.286.150.596
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.738.409.110.923	2.758.102.989.712
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	2.738.409.110.923	2.758.102.989.712
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.378.273.041	18.378.273.041
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		461.810.410.771	469.717.670.076
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		346.934.303.296	164.712.310.046
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		114.876.107.475	305.005.360.030
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		326.015.029.015	337.801.648.499
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.661.253.710.062	7.378.002.375.801


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	169.821.924.284	186.570.489.462
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	4.588.458.767	4.574.556.455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		165.233.465.517	181.995.933.007
4. Giá vốn hàng bán	11	27	94.516.105.143	133.322.286.601
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.717.360.374	48.673.646.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	167.901.879.066	196.095.094.805
7. Chi phí tài chính	22	29	51.904.570.015	88.473.296.785
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.904.361.706	88.454.597.685
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	6.b	16.039.427.305	12.329.872.555
9. Chi phí bán hàng	25	30	8.438.978.714	7.414.465.859
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	35.827.181.059	31.140.100.122
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		158.487.936.957	130.070.751.000
12. Thu nhập khác	31	32	229.940.155	169.205.438.544
13. Chi phí khác	32		223.605.004	288.619.276
14. Lợi nhuận khác	40		6.335.151	168.916.819.268
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		158.494.272.108	298.987.570.268
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	16.267.254.513	11.278.323.447
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	23	-	(70.610.038)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		142.227.017.595	287.779.856.859
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		114.876.107.475	264.745.416.928
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		27.350.910.120	23.034.439.931
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	596	4.284


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	158.494.272.108	298.987.570.268
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại	02	58.888.229.294	(116.447.222.490)
Các khoản dự phòng	03	300.460.838	841.201.879
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.215.281)	(433.924)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(183.939.883.689)	(208.424.533.436)
Chi phí lãi vay	06	51.904.361.706	88.454.597.685
Các khoản điều chỉnh khác	07	4.496.410.956	4.496.410.956
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	90.142.635.932	67.907.590.938
Tăng các khoản phải thu	09	20.072.854.130	18.189.415.269
(Giảm)/tăng hàng tồn kho	10	(110.273.858)	14.733.408.224
Giảm/(tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.236.237.127	(17.024.398.265)
Tăng chi phí trả trước	12	(5.688.248.384)	(1.029.113.271)
Tiền lãi vay đã trả	14	(74.787.375.734)	(73.005.556.285)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.014.527.125)	(44.385.720.419)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(350.362.345)	(6.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.500.939.743	(34.620.723.809)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(361.493.145.624)	(272.337.456.295)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	125.708.546.455	18.123.403.068
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(169.650.000.000)	(324.747.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	435.439.618.708	36.435.796.953
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(905.213.958.510)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.269.797.605
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	123.990.758.462	19.854.231.269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	153.995.778.001	(1.420.615.185.910)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	512.547.052.000
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(12.596.040.000)	(44.360.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	437.945.036.852	1.541.022.088.249
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(85.312.012.558)	(541.703.993.052)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(129.808.348.611)	(34.140.903.412)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	210.228.635.683	1.477.679.883.785
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	380.725.353.427	22.443.974.066
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	739.148.574.877	44.211.919.920
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.215.281	433.924
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.119.875.143.585	66.656.327.910



Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đang đầu tư vào chín (9) công ty con và hai (2) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư này như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP.Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	TP.Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP.Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	TP.Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	TP.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường

Công ty con đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông và các dịch vụ hạ tầng khác

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	49,75%	49,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
Công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	TP.Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con đồng nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức 14% theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án B.O.T trong giai đoạn hoạt động được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.361.285.811	180.006.939
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	108.478.543.261	9.775.590.428
Các khoản tương đương tiền (i)	1.010.035.314.513	729.192.977.510
Cộng	1.119.875.143.585	739.148.574.877

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	15.388.875.000	15.388.875.000	242.472.159.865	242.472.159.865
ii. Dài hạn				
Vốn hợp tác đầu tư	147.284.255.538	147.284.255.538	190.602.754.156	190.602.754.156

Số dư khoản vốn hợp tác đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện giá trị phần góp vốn của Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên.

Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản hợp tác đầu tư này để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	63.568.623.284	38.096.492.692	63.568.623.284	22.057.065.387
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.483.480.000	-	231.625.210.000	-
Cộng	218.052.103.284	38.096.492.692	295.193.833.284	22.057.065.387
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		256.148.595.976		317.250.898.671

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 01/01/2016 và 30/06/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư AQUA	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-
Cộng	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	251.418.309.508	251.418.309.508
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	4.644.703.767	4.028.570.767
Ông Trịnh Văn Hà	4.526.151.579	4.526.151.579
Công ty CP Him Lam	3.158.377.829	13.894.266.899
Công ty CP Điện chiếu sáng Hùng Quang	3.362.804.800	1.369.925.030
Các khách hàng khác	26.784.348.591	33.537.358.859
Cộng	293.894.696.074	308.774.582.642
b. Dài hạn		
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	387.849.371.747	513.557.918.202
Cộng	387.849.371.747	513.557.918.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	211.200.000	621.170.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	324.990.000
Cộng	211.200.000	946.160.000

(i) Số dư khoản phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến giá trị xây dựng, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn. Khoản phải thu này được cam kết hoàn trả trong thời gian 5 năm, chia đều thành 10 kỳ, kỳ đầu tiên bắt đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014, kỳ cuối cùng sẽ kết thúc vào ngày 12 tháng 12 năm 2018. UBND Thành phố Hồ Chí Minh cam kết trả lãi chậm thanh toán cho số dư nợ tại mỗi kỳ thanh toán (xem Thuyết minh 28). Số dư phải thu cuối kỳ sẽ được thu hồi theo lịch biểu sau:

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	251.418.309.508	251.418.309.508
Trong năm thứ hai	252.324.866.434	251.418.309.508
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	135.524.505.313	262.139.608.694
Cộng	639.267.681.255	764.976.227.710
Trừ số sẽ thu được trong vòng 12 tháng	(251.418.309.508)	(251.418.309.508)
Số sẽ thu sau 12 tháng	387.849.371.747	513.557.918.202

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	22.655.927.006	24.303.171.783
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	7.652.417.196	6.245.341.314
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ninh Hải	5.079.462.215	5.079.462.215
Phòng Tài chính - Kế toán huyện Thuận Bắc	3.502.102.640	3.502.102.640
Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Ninh Phước	1.735.690.000	1.735.690.000
Các đối tượng khác	12.930.836.350	29.798.843.373
Cộng	53.556.435.407	70.664.611.325
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	22.655.927.006	24.303.171.783
Cộng	22.655.927.006	24.303.171.783

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Khoản cho công ty mẹ vay - Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	103.956.748.901	142.663.082.744
Cộng	103.956.748.901	142.663.082.744

(i) Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2016 với lãi suất cho vay là 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng	231.425.250.000	231.425.250.000

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng cho vay đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017 là 8,5%/năm. Kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 cho đến khi khoản nợ gốc được thanh toán hết, lãi suất cho vay áp dụng là 0%. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa thỏa thuận được lịch thanh toán nợ với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc trong thời gian 12 tháng tiếp theo.

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiềc	79.071.722.515	37.274.300.930
Khoản tạm ứng vốn góp đầu tư vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.730.000	-
Lãi cho vay phải thu	25.062.497.446	19.198.802.987
Khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	12.596.040.000	11.368.400.000
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	8.992.821.910	8.992.821.910
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dự thu	-	15.370.000.000
Phải thu người lao động	1.609.910.392	1.488.054.076
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	9.000.000
Phải thu đối tượng khác	1.800.157.238	1.845.373.869
Cộng	206.283.879.501	95.546.753.772

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	91.667.762.515	67.841.503.917
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.730.000	-
Cộng	168.809.492.515	67.841.503.917

b. Dài hạn

Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	427.511.550.369	366.060.784.728
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	103.417.451.969	107.913.862.925
Cộng	530.929.002.338	473.974.647.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/06/2016		01/01/2016		Thời gian quá hạn	Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
Phải thu tiền ứng trước tiền hàng	820.000.000	-	820.000.000	-	>3 năm	Công ty CP Kim Sơn Hải
Phải thu thi công công trình	546.339.201	-	546.339.201	-	>3 năm	Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị
Phải thu thi công công trình	369.361.503	-	369.361.503	-	>3 năm	Công ty CTGT 621
Phải thu thi công công trình	1.710.705.674	702.415.846	790.479.419	82.650.429	>3 năm	Các khách hàng khác
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	-	528.185.000	-	>3 năm	Công ty TNHH TK KT XD QLDA Sáng Tạo Mới
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	457.951.000	-	457.951.000	-	1-2 năm	Công ty TNHH PT Công Nghệ Mới Trường Phan Việt
Phải thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.205.851.697	36.591.650	1.205.851.697	36.591.650	>3 năm	Các khách hàng khác
Phải thu khác	474.515.518	-	474.515.518	-	>3 năm	Các đối tượng khác
Cộng	6.112.909.593	739.007.496	5.192.683.338	119.242.079		
Giá trị đã lập dự phòng	5.373.902.097		5.073.441.259			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.616.139.196	(32.650.364)	15.425.830.554	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	230.987.403	(1.456.000)	71.563.814	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.863.297.239	-	28.720.715.027	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, đầu tư dở dang</i>	<i>29.870.488.970</i>	<i>-</i>	<i>21.911.594.134</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí sản xuất dở dang</i>	<i>1.508.362.420</i>	<i>-</i>	<i>297.103.680</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	<i>155.987.195</i>	<i>-</i>	<i>155.987.195</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	<i>11.328.458.654</i>	<i>-</i>	<i>6.356.030.018</i>	<i>-</i>
Thành phẩm	14.848.810.175	(940.152.856)	11.219.359.362	(940.152.856)
Hàng hóa	1.394.605.552	(64.770.451)	460.287.834	(64.770.451)
Cộng	67.953.839.565	(1.039.029.671)	55.897.756.591	(1.039.029.671)

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, lỗi thời.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/06/2016
	VND	trong kỳ VND	trong kỳ VND	VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.408.059.291	1.408.059.291	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.110.797.025	-	25.091.736	1.135.888.761
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	48.368.431	48.368.431
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	-	-	576.571.588
Cộng	3.095.427.904	1.408.059.291	73.460.167	1.760.828.780
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.102.598.481	8.632.868.071	7.994.800.128	1.740.666.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.912.817.440	16.277.854.513	19.014.527.125	9.176.144.828
Thuế thu nhập cá nhân	61.076.928	686.225.828	723.341.568	23.961.188
Các loại thuế khác	-	39.090.000	39.090.000	-
Cộng	13.076.492.849	25.636.038.412	27.771.758.821	10.940.772.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	34.113.689.478	50.154.650.019	7.159.790.531	129.507.000	91.557.637.028
Mua trong kỳ	-	1.937.325.000	59.341.409	-	1.996.666.409
Thanh lý, nhượng bán	-	(114.068.212)	(67.429.380)	-	(181.497.592)
Tại ngày 30/06/2016	34.113.689.478	51.977.906.807	7.151.702.560	129.507.000	93.372.805.845
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	5.077.143.997	25.923.982.434	3.018.338.114	95.542.466	34.115.007.011
Khấu hao trong kỳ	558.191.400	1.468.609.789	437.606.216	9.713.028	2.474.120.433
Thanh lý, nhượng bán	-	(75.996.203)	(14.753.047)	-	(90.749.250)
Tại ngày 30/06/2016	5.635.335.397	27.316.596.020	3.441.191.283	105.255.494	36.498.378.194
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	29.036.545.481	24.230.667.585	4.141.452.417	33.964.534	57.442.630.017
Tại ngày 30/06/2016	28.478.354.081	24.661.310.787	3.710.511.277	24.251.506	56.874.427.651

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 44.938.861 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 44.938.861 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	1.516.829.309.537	8.031.674.450	355.068.500	1.525.216.052.487
Mua trong kỳ	-	-	50.000.000	50.000.000
XDCB hoàn thành	1.515.732.124	-	-	1.515.732.124
Tại ngày 30/06/2016	1.518.345.041.661	8.031.674.450	405.068.500	1.526.781.784.611
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	241.293.468.936	1.077.735.076	133.166.037	242.504.370.049
Khấu hao trong kỳ	35.714.545.888	85.327.758	29.329.151	35.829.202.797
Tại ngày 30/06/2016	277.008.014.824	1.163.062.834	162.495.188	278.333.572.846
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	1.275.535.840.601	6.953.939.374	221.902.463	1.282.711.682.438
Tại ngày 30/06/2016	1.241.337.026.837	6.868.611.616	242.573.312	1.248.448.211.765

Thông tin chi tiết về các quyền thu phí giao thông Công ty đang kiểm soát như sau:

a. Quyền thu phí giao thông trạm Cam Thịnh

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 585.827.005.697 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Trạm thu phí Cam Thịnh đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 30% doanh thu thu phí của dự án. Việc Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí giao thông theo tỷ lệ doanh thu đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

b. Quyền thu phí giao thông đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 656.087.282.984 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 21,6 năm.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí hoàn vốn so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Công ty đã thế chấp các quyền thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được để đảm bảo cho các khoản vay và nợ.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 80.000.000 VND (31 tháng 12 năm 2015: 80.000.000 VND).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	1.238.624.727.352	1.107.177.535.654
Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2 (ii)	1.384.759.678.699	1.233.075.591.865
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương - Hạ tầng cơ sở hạ tầng tái định cư	9.176.902.522	9.101.799.708
Các dự án khác	396.496.411	396.496.411
Cộng	2.632.957.804.984	2.349.751.423.638

(i) Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội được thực hiện theo hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao số 03/2009/HĐ-B.O.T ngày 25 tháng 11 năm 2009 ký với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư dự án (không bao gồm lãi vay trong thời gian thi công, chi phí sử dụng vốn và thuế VAT) là 2.287.811.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 20% và 80%. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 22.

(ii) Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm được thực hiện trên cơ sở hợp đồng B.O.T số 60/HĐ.BOT-BGTVT ngày 8 tháng 12 năm 2014 ký với Bộ Giao thông Vận tải. Tổng vốn đầu tư của dự án là 2.110,8 tỷ VND trong đó vốn đầu tư của chủ sở hữu chiếm 20% và vốn vay chiếm 80%. Thời gian thi công của dự án là 17,5 tháng, dự án đã hoàn thành và thông xe kỹ thuật vào ngày 26 tháng 12 năm 2015. Công ty sẽ thực hiện thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư vào dự án với thời gian thu phí dự kiến trong hợp đồng là 22 năm 1 tháng, thời gian thu phí dự kiến bắt đầu từ quý 3 năm 2016. Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án này trong tương lai đã được cầm cố thế chấp cho các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 22.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay (i)	84.263.237.722	74.515.745.068
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	152.159.309
Cộng	84.263.237.722	74.667.904.377

(i) Chi phí lãi vay trả trước là chi phí lãi vay tài trợ cho Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ trọng doanh thu. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay là 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	163.013.799.804
Lợi thế thương mại tăng từ việc mua công ty con trong năm	4.163.621.765
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(41.065.721.584)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	126.111.699.985
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(20.584.906.064)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	105.526.793.921

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Xây Dựng Hạ tầng CII	1.280.288.994	1.280.288.994	82.658.856.437	82.658.856.437
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Tuấn Lộc	3.606.270.644	3.606.270.644	825.728.228	825.728.228
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận	1.539.683.008	1.539.683.008	9.440.821.967	9.440.821.967
Công ty TNHH Thép Thương mại Nhật Phát	5.099.965.025	5.099.965.025	6.115.539.695	6.115.539.695
Công ty TNHH Xây dựng Phú Vinh	1.141.756.525	1.141.756.525	5.597.858.647	5.597.858.647
Công ty TNHH Kiến trúc và Môi trường	2.580.195.998	2.580.195.998	2.580.195.998	2.580.195.998
Các nhà cung cấp khác	16.532.740.241	16.532.740.241	22.212.356.982	22.212.356.982
Cộng	31.780.900.435	31.780.900.435	129.431.357.954	129.431.357.954
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Xây Dựng Hạ tầng CII	1.280.288.994	1.280.288.994	82.658.856.437	82.658.856.437
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	193.236.084	193.236.084	1.366.964.084	1.366.964.084
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty mẹ	117.744.000	117.744.000	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	235.500.000	235.500.000	45.167.967	45.167.967
Cộng	1.826.769.078	1.826.769.078	84.070.988.488	84.070.988.488

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí phải trả về thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, duy tu công trình	28.970.434.097	29.318.625.155
Chi phí duy tu đường bộ trích trước	2.559.544.847	-
Chi phí lãi vay phải trả	20.012.852.984	18.129.141.791
Chi phí phải trả khác	230.000.000	445.747.032
Cộng	51.772.831.928	47.893.513.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	15.898.364	2.578.724
Bảo hiểm xã hội	17.513.710	32.467.500
Bảo hiểm y tế	192.045	5.557.410
Bảo hiểm thất nghiệp	128.030	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	58.756.894.311	37.373.883.245
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	163.354.833.606	131.139.833.606
Phải trả lãi vay hỗ trợ vốn	19.266.739.739	12.438.577.200
Khoản ứng trước lợi nhuận (ii)	38.043.446.092	20.459.140.258
Phải trả khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao	6.992.659.506	6.992.659.506
Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Công trình		
Giao thông 6	3.351.653.113	3.351.653.113
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.849.449.454	1.487.384.314
Cộng	291.649.407.970	213.283.734.876
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78.252.220.500	78.252.220.500
Tiền thu trước của các hộ dân nhận đất khu tái định cư Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	719.265.928	719.265.928
Cộng	78.971.486.428	78.971.486.428

(i) Số dư phải trả Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII thể hiện khoản nhận trước tiền thanh toán mua toàn bộ cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia mà Công ty đang nắm giữ và khoản cổ tức được chia từ Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia mà Công ty phải trả cho Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII theo điều khoản về phân chia cổ tức quy định trong hợp đồng mua bán cổ phần đã được ký kết. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát đối với công ty Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia.

(ii) Số dư phải trả cho Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miểu thể hiện khoản tiền nhận tạm ứng lợi nhuận từ công ty liên kết này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miểu chưa công bố chính thức việc chia lợi nhuận nên Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Ngân hạn

	30/06/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	462.850.500.000	462.850.500.000	3.402.512.668	3.402.512.668	462.850.500.000	462.850.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	-	-	9.739.499.890	9.739.499.890	-	-
Cộng vay ngắn hạn	462.850.500.000	462.850.500.000	13.142.012.558	13.142.012.558	462.850.500.000	462.850.500.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22.b)	129.801.666.666	129.801.666.666			110.001.000.000	110.001.000.000
Tổng cộng	592.652.166.666	592.652.166.666			572.851.500.000	572.851.500.000

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ 1 phần vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để đầu tư vào dự án này. Lãi suất vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm, thời hạn vay được quy định trong từng công văn cụ thể cho từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 (i)	3.065.112.776.667	3.065.112.776.667	274.188.024.294	32.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (ii)	145.766.899.750	145.766.899.750	-	14.570.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (iii)	402.579.568.925	402.579.568.925	-	100.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (iv)	192.520.758.458	192.520.758.458	-	25.500.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (v)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	18.400.000.000	18.400.000.000	18.400.000.000	-
Cộng vay dài hạn	3.924.380.003.800	3.924.380.003.800	392.588.024.294	72.170.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(129.801.666.666)	(129.801.666.666)		(110.001.000.000)
Tổng cộng	3.794.578.337.134	3.794.578.337.134		3.493.960.979.506
				3.603.961.979.506
				Giá trị có khả năng thanh toán VND
				Nợ gốc VND
				Giá trị có khả năng thanh toán VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn (tiếp theo)

(i) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thể hiện các khoản vay như sau:

- Khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 2.516.600.000.000 VND với mục đích đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T. Thời hạn giải ngân được tính từ ngày 30 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Thời hạn cho vay đối với từng khoản nợ tối đa là 15 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2029. Lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng áp dụng cho từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.566.954.736.223 VND.
- Khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 405.500.000.000 VND với mục đích tài trợ cho Dự án Đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Lãi suất vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng công bố trong từng thời kỳ và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,2%/năm. Tất cả các khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 7 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu phí giao thông đường bộ, các quyền lợi phát sinh khác trong quá trình thu phí thuộc dự án và quyền được nhận số tiền bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản thuộc dự án. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 290.500.000.000 VND.
- Khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 1.688.640.000.000 VND với mục đích tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,2%/năm. Thời hạn vay là 15 năm tính từ 13 tháng 2 năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong tương lai từ dự án. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.207.658.040.444 VND.

(ii) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 275 tỷ VND, thời hạn giải ngân đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2016. Thời hạn vay được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 48 tháng. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 10%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu. Thời hạn vay là 102 tháng tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 219 tỷ VND và 72 tháng tính từ ngày 2 tháng 12 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 191,920 tỷ VND. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh sáu tháng một lần vào các ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu để đảm bảo cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn (tiếp theo)

(iv) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng ký ngày ngày 9 tháng 12 năm 2009. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ vào ngày 15 của các tháng 2, 5, 8, 11 hàng năm. Thời hạn thanh toán nợ vay cuối cùng là ngày 23 tháng 12 năm 2019. Mục đích sử dụng của khoản vay là để đầu tư xây dựng Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 theo hình thức hợp đồng B.O.T. Công ty đã thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 mang lại để đảm bảo cho khoản vay này.

(v) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm mục đích tài trợ cho việc mua lại phần vốn góp vào Công ty TNHH BOT Cần Thơ Phụng Hiệp và thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 300 tỷ VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2016. Lãi suất áp dụng trong 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân là 8,8%/năm, lãi suất này sau đó được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ 1,8%/năm. Công ty sử dụng quyền tài sản, quyền tài sản hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn số 79/2014/HĐCN/CII-CIIB&R ký ngày 31 tháng 10 năm 2014 với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) và Hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Đầu tư Xây dựng cầu Sài Gòn 2 số 01/2012/HĐ-B.T ký ngày 9 tháng 3 năm 2012 giữa Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và CII sau khi đã đảm bảo nghĩa vụ của CII với Viettinbank liên quan đến gói trái phiếu CII-B2013-1 do CII phát hành ngày 17 tháng 4 năm 2013 để đảm bảo cho khoản vay này.

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	129.801.666.666	110.001.000.000
Trong năm thứ hai	175.087.333.334	121.468.461.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	303.323.658.208	261.482.197.208
Sau năm năm	3.316.167.345.592	3.111.010.321.298
Cộng	3.924.380.003.800	3.603.961.979.506
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(129.801.666.666)	(110.001.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	3.794.578.337.134	3.493.960.979.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Bảng cân đối kết toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày	Tại ngày	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	30/06/2016	01/01/2016	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	(70.610.038)
Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh (i)	55.286.150.596	55.286.150.596	-	-
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			-	(70.610.038)

(i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG cao hơn so với giá trị ghi sổ như đã nêu tại Thuyết minh số 15. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20%. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND						
Tại ngày 01/01/2015	225.169.550.000	-	(5.362.083.904)	8.481.118.965	205.143.874.082	124.322.924.820	557.755.383.963	
Tăng vốn trong năm	1.703.378.100.000	-	-	-	-	-	1.703.378.100.000	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	366.777.444.826	46.234.385.399	413.011.830.225	
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.807.748.096	5.362.083.904	-	-	-	9.169.832.000	
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	-	-	-	(150.000.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(99.373.259.000)	(45.656.594.422)	(145.029.853.422)	
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	9.897.154.076	(12.545.024.956)	(12.522.915)	(2.660.393.795)	
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	-	-	6.916.834.000	-	6.916.834.000	
Mua công ty con	-	-	-	-	-	224.257.256.741	224.257.256.741	
Góp thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	(2.164.465)	-	
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	2.811.434.480	(2.811.434.480)	-	
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	24.500.000.000	24.500.000.000	
Cổ đông không kiểm soát bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(33.066.000.000)	(33.066.000.000)	
Chuyển nhượng một phần vốn trong công ty con trong năm	-	-	-	-	(15.797.821)	35.797.821	20.000.000	
Tại ngày 01/01/2016	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	18.378.273.041	469.717.670.076	337.801.648.499	2.758.102.989.712	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	114.876.107.475	27.350.910.120	142.227.017.595	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(123.527.859.000)	(27.746.441.489)	(151.274.300.489)	
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	-	-	744.492.220	51.885	744.544.105	
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	(11.391.140.000)	(11.391.140.000)	
Tại ngày 30/06/2016	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	18.378.273.041	461.810.410.771	326.015.029.015	2.738.409.110.923	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phần

	30/06/2016 Cổ phần	01/01/2016 Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần đã mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.		

c. Cổ tức

Trong kỳ, Công ty thực hiện chia cổ tức đợt cuối của năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2015 với tỷ lệ 6%.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu bán hàng	34.373.843.970	26.600.619.980
Doanh thu cung cấp dịch vụ	891.461.838	912.192.079
Doanh thu thu phí giao thông	98.436.249.027	67.159.437.274
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	36.120.369.449	91.094.051.752
Doanh thu căn hộ Lữ Gia	-	804.188.377
Cộng	169.821.924.284	186.570.489.462

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	295.446.000	295.446.000
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	16.641.464.545	550.240.000
Cộng	16.936.910.545	845.686.000

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giảm giá hàng bán	92.047.811	77.253.499
Hàng bán bị trả lại	-	892.000
Hoàn nhập lãi vốn chủ sở hữu	4.496.410.956	4.496.410.956
Cộng	4.588.458.767	4.574.556.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	25.423.759.005	22.501.680.069
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	621.362.556	90.486.977
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	35.926.823.534	28.478.354.564
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	32.544.160.048	81.788.738.788
Giá vốn căn hộ Lữ Gia	-	463.026.203
Cộng	94.516.105.143	133.322.286.601

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	61.450.765.641	45.981.927.913
Lãi trả chậm (i)	58.888.453.545	80.028.977.786
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.011.693.542	4.968.793.608
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc	9.549.542.748	15.099.261.574
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư	-	50.015.700.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.423.590	433.924
Cộng	167.901.879.066	196.095.094.805

(i) Lãi trả chậm được quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn: lãi trả chậm được tính theo chu kỳ 6 tháng, lãi suất trả chậm bằng 7,81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí lãi vay	51.904.361.706	43.956.485.526
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng	-	44.498.112.159
Chi phí tài chính khác	208.309	18.699.100
Cộng	51.904.570.015	88.473.296.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí lương nhân viên	3.608.956.385	479.903.420
Chi phí hoa hồng bán hàng	183.086.155	331.066.990
Chi phí vận chuyển hàng bán	1.267.008.727	1.965.789.828
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	-	3.604.179.996
Chi phí in vé thu phí giao thông	131.699.118	118.750.059
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.248.228.329	914.775.566
Cộng	8.438.978.714	7.414.465.859

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	20.584.906.064	20.480.815.520
Chi phí lương nhân viên	4.704.086.930	2.433.960.664
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	306.833.918	475.081.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.083.014.829	3.639.535.131
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	300.460.838	874.774.000
Chi phí thuê văn phòng	715.855.981	701.800.122
Chi phí tiếp khách	376.894.577	193.426.082
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.755.127.922	2.340.707.138
Cộng	35.827.181.059	31.140.100.122

32. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	192.000.000	192.000.000
Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ	-	168.985.813.124
Thu nhập khác	37.940.155	27.625.420
Cộng	229.940.155	169.205.438.544

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	32.839.049.093	23.239.491.308
Chi phí nhân công	12.943.456.455	12.084.624.311
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.009.838.363	31.960.868.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.064.621.494	16.346.686.922
Chi phí khác	4.982.008.515	1.718.641.031
Cộng	108.838.973.920	85.350.311.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.003.328.800	72.490.943.308	94.355.569.798	204.632.000.470
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	944.148.953	4.669.599.956	-	(154.337.595.846)
<i>Cô tức, lợi nhuận được chia</i>	-	<i>(9.549.542.748)</i>	-	<i>(15.099.261.574)</i>
<i>Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư</i>	-	-	-	<i>(50.015.700.000)</i>
<i>Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ</i>	-	-	-	<i>(168.985.813.124)</i>
<i>Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết</i>	-	<i>(16.039.427.305)</i>	-	<i>(12.329.872.555)</i>
<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	-	<i>20.584.906.064</i>	-	<i>20.480.815.520</i>
<i>Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất</i>	-	<i>1.258.756.490</i>	-	<i>61.376.160.962</i>
<i>Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc</i>	-	<i>7.690.569.726</i>	-	<i>9.968.553.076</i>
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>944.148.953</i>	<i>724.337.729</i>	-	<i>267.521.849</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	86.947.477.753	77.160.543.264	94.355.569.798	50.294.404.624
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	86.947.477.753	77.160.543.264	94.355.569.798	50.294.404.624
<i>Thu nhập chịu thuế 22%</i>	-	-	<i>79.419.629.571</i>	<i>50.294.404.624</i>
<i>Thu nhập chịu thuế 20%</i>	<i>58.885.953.540</i>	<i>77.160.543.264</i>	-	-
<i>Thu nhập chịu thuế 10%</i>	<i>28.061.524.213</i>	-	<i>14.935.940.227</i>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.583.343.129	15.432.108.653	18.965.912.528	11.064.769.018
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn</i>	<i>(13.962.397.028)</i>	-	<i>(18.752.358.099)</i>	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%</i>	<i>(310.473.051)</i>	-	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu</i>	<i>524.672.810</i>	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	835.145.860	15.432.108.653	213.554.429	11.064.769.018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường tỉnh ĐT 741 tỉnh Bình Dương và Dự án xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	114.876.107.475	264.745.416.928
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	61.791.593
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	596	4.284

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 6 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ tư vấn thu phí giao thông; hoạt động kinh doanh mua bán căn hộ; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T: đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: kinh doanh bán căn hộ tại dự án 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Dịch vụ cho thuê mặt bằng	Bán căn hộ Lũ Gia	Hoạt động thu phí giao thông	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần								
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	34.281.796.159	-	36.120.369.449	891.461.838	-	93.939.838.071	-	165.233.465.517
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	18.792.012.414	-	-	-	(18.792.012.414)	-
Cộng	34.281.796.159	-	54.912.381.863	891.461.838	-	93.939.838.071	(18.792.012.414)	165.233.465.517
Giá vốn								
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	25.423.759.005	-	32.544.160.048	621.362.556	-	35.926.823.534	-	94.516.105.143
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	18.792.012.414	-	-	-	(18.792.012.414)	-
Cộng	25.423.759.005	-	51.336.172.462	621.362.556	-	35.926.823.534	(18.792.012.414)	94.516.105.143
Lợi nhuận gộp bộ phận	8.858.037.154	-	3.576.209.401	270.099.282	-	58.013.014.537	-	70.717.360.374
Doanh thu hoạt động tài chính		59.023.087.099						167.901.879.066
Chi phí tài chính		-						51.904.570.015
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết								16.039.427.305
Chi phí bán hàng								8.438.978.714
Chi phí quản lý doanh nghiệp		407.690.084						35.827.181.059
Thu nhập khác								229.940.155
Chi phí khác		2.500.005						223.605.004
Chi phí thuế TNDN hiện hành								16.267.254.513
Tổng lợi nhuận sau thuế		58.612.897.010						142.227.017.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Thi công, duy tu công trình	Dịch vụ cho thuê mặt bằng	Bán căn hộ Lữ Gia	Doanh thu thu phí giao thông	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần								
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.599.727.980	-	91.094.051.752	912.192.079	726.934.878	62.663.026.318	-	181.995.933.007
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	87.255.101.921	-	-	-	(87.255.101.921)	-
Cộng	26.599.727.980	-	178.349.153.673	912.192.079	726.934.878	62.663.026.318	(87.255.101.921)	181.995.933.007
Giá vốn								
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	22.501.680.069	-	81.788.738.788	90.486.977	463.026.203	28.478.354.564	-	133.322.286.601
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	87.255.101.921	-	-	-	(87.255.101.921)	-
Cộng	22.501.680.069	-	169.043.840.709	90.486.977	463.026.203	28.478.354.564	(87.255.101.921)	133.322.286.601
Lợi nhuận gộp bộ phận	4.098.047.911	-	9.305.312.964	821.705.102	263.908.675	34.184.671.754	-	48.673.646.406
Doanh thu hoạt động tài chính		80.148.101.919						196.095.094.805
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-						12.329.872.555
Chi phí tài chính		-						88.473.296.785
Chi phí bán hàng		-						7.414.465.859
Chi phí quản lý doanh nghiệp		609.348.215						31.140.100.122
Thu nhập khác		-						169.205.438.544
Chi phí khác		-						288.619.276
Chi phí thuế TNDN hiện hành		26.207.310						11.278.323.447
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại		-						(70.610.038)
Tổng lợi nhuận sau thuế		79.512.546.394						287.779.856.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	4.387.230.503.800	4.066.812.479.506
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.119.875.143.585)	(739.148.574.877)
Nợ thuần	3.267.355.360.215	3.327.663.904.629
Vốn chủ sở hữu	2.738.409.110.923	2.758.102.989.712
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	119,32%	120,65%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	1.119.875.143.585	739.148.574.877
Đầu tư ngắn hạn	15.388.875.000	242.472.159.865
Phải thu khách hàng	678.650.817.241	819.539.711.102
Phải thu về cho vay	335.381.998.901	374.088.332.744
Phải thu khác	105.515.071.832	74.757.226.495
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	403.432.851.514	507.853.652.827
Cộng	2.658.244.758.073	2.757.859.657.910
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	4.387.230.503.800	4.066.812.479.506
Phải trả người bán	31.780.900.435	129.431.357.954
Phải trả khác	247.298.836.151	156.129.373.667
Chi phí phải trả	51.772.831.928	47.893.513.978
Cộng	4.718.083.072.314	4.400.266.725.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	22.561.457	22.854.730

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2016			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.119.875.143.585	-	1.119.875.143.585
Đầu tư ngắn hạn khác	15.388.875.000	-	15.388.875.000
Phải thu khách hàng	290.801.445.494	387.849.371.747	678.650.817.241
Phải thu về cho vay	103.956.748.901	231.425.250.000	335.381.998.901
Phải thu khác	105.515.071.832	-	105.515.071.832
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	403.432.851.514	403.432.851.514
Cộng	1.635.537.284.812	1.022.707.473.261	2.658.244.758.073
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	592.652.166.666	3.794.578.337.134	4.387.230.503.800
Phải trả người bán	31.780.900.435	-	31.780.900.435
Phải trả khác	246.579.570.223	719.265.928	247.298.836.151
Chi phí phải trả	51.772.831.928	-	51.772.831.928
Cộng	922.785.469.252	3.795.297.603.062	4.718.083.072.314
Chênh lệch thanh khoản thuần	712.751.815.560	(2.772.590.129.801)	(2.059.838.314.241)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.148.574.877	-	739.148.574.877
Đầu tư ngắn hạn khác	242.472.159.865	-	242.472.159.865
Phải thu khách hàng	305.981.792.900	513.557.918.202	819.539.711.102
Phải thu về cho vay	142.663.082.744	231.425.250.000	374.088.332.744
Phải thu khác	74.757.226.495	-	74.757.226.495
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	507.853.652.827	507.853.652.827
Cộng	1.505.022.836.881	1.252.836.821.029	2.757.859.657.910
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	572.851.500.000	3.493.960.979.506	4.066.812.479.506
Phải trả người bán	129.431.357.954	-	129.431.357.954
Phải trả khác	155.410.107.739	719.265.928	156.129.373.667
Chi phí phải trả	47.893.513.978	-	47.893.513.978
Cộng	905.586.479.671	3.494.680.245.434	4.400.266.725.105
Chênh lệch thanh khoản thuần	599.436.357.210	(2.241.843.424.405)	(1.642.407.067.195)

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	Công ty trong cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận tiền vay	54.017.512.668	851.350.500.000
Thanh toán tiền vay	3.402.512.668	57.500.000.000
Nhận vốn góp	-	357.000.000.000
Nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	-	1.049.920.010.784
Chi phí lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp các công ty cầu đường	-	56.625.446.939
Thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	-	775.293.155.214
Thanh toán lãi do chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường	-	34.464.034.703
Lãi phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	9.549.542.748	15.099.261.574
Thu tiền lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	-	7.389.543.057
Thu tiền hoàn vốn góp đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư cầu Rạch Chiếc	-	21.640.673.340
Chi phí lãi vay	17.138.520.039	22.640.511.411
Thanh toán lãi vay	-	5.980.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong kỳ	100.587.956.707	15.570.982.800
Tạm hoàn trả vốn góp	12.570.900.000	-
Chuyển tiền cho vay	169.500.000.000	-
Nhận lại tiền cho vay	208.206.333.843	-
Lãi cho vay	6.698.700.440	-
Thu tiền cho thuê mặt bằng	324.990.000	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	295.446.000	295.446.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo


38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	17.584.305.834	10.000.000.000
Thu tiền cung cấp dịch vụ tư vấn thu phí	345.247.140	-
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		
Chi phí thi công xây dựng công trình	102.425.924.587	126.498.310.257
Thanh toán giá trị thi công xây dựng công trình	183.142.288.385	112.286.679.552
Doanh thu thi công xây dựng	16.641.464.545	550.240.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong kỳ	7.815.000.000	-
Thu tiền thi công công trình, bán hàng hóa	18.939.576.380	605.264.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thu tiền thanh lý bất động sản đầu tư	-	18.128.403.068
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	150.000.000	680.000.000
Thu tiền hỗ trợ vốn	150.000.000	155.000.000
Chi phí thuê mặt bằng	1.168.300.935	536.511.159
Thanh toán tiền thuê mặt bằng	863.798.995	1.052.162.275
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	-	3.604.179.996
Thanh toán chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	-	3.812.331.665
Chi phí thi công công trình xây lắp	4.301.794.429	-
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	5.177.359.977	-
Chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu phí	1.839.998.000	-
Thanh toán chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị	1.839.998.000	-
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	192.000.000	192.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau		
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lương và thưởng	1.063.500.000	409.960.000

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo kỳ này.


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc